TÒA ÁN NHÂN DÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
KHU VỰC 9 - VĨNH LONG **Độc lập-Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 205/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 28-7-2026
V/v "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - VĨNH LONG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà***: Ông Nguyễn Hữu Lộc
- ***Các hội thẩm nhân dân***: 1. Ông Nguyễn Minh Nghĩa
2. Bà Phạm Tường Vi
- ***Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:*** Ông Phạm Văn Sỉ – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Cẩm Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 274/2026/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2026 về tranh chấp "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 181/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị Cẩm Đ, sinh năm 1998. Địa chỉ: ấp F (nay là ấp A), xã K, tỉnh Cà Mau. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
- **Bị đơn:** Ông Hồ Vĩ Đ1, sinh năm 1993. Địa chỉ: ấp T (nay là ấp B), xã H, tỉnh Vĩnh Long. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 06/4/2026, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ - nguyên đơn bà Lê Thị Cẩm Đ trình bày:

Bà Đ và ông Hồ Vĩ Đ1 cưới nhau và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn, cấp ngày 27/11/2017 tại UBND xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là UBND xã H, tỉnh Vĩnh Long). Sau một thời gian chung sống, mâu thuẫn giữa bà Đ và ông Đ1 bắt đầu nảy sinh, vợ chồng không còn tiếng nói chung, không thông cảm và thấu hiểu cho nhau, không tôn trọng nhau.

Quá trình sống chung, vợ chồng bà Đ và ông Đ1 có 01 (một) con chung tên: Hồ Quỳnh N, sinh ngày 25/01/2018 theo Giấy khai sinh số 128/2018, đăng ký ngày 02/3/2018 tại UBND xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau (nay là UBND xã K, tỉnh Cà Mau). Hiện tại cháu Hồ Quỳnh N đang sống chung với bà Đ.

Bà Đ và ông Đ1 đã ly thân khoảng 02 năm nay. Bà Đ nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa bà Đ và ông Đ1 không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, để tránh

những xung đột, mâu thuẫn, gây ảnh hưởng không tốt đến cuộc sống sau này. Nay bà Đ yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

1. Về hôn nhân: Bà Đ yêu cầu được ly hôn với ông Hồ Vĩ Đ1. Bà Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng vợ chồng khi ly hôn.

2. Về con chung: Bà Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Hồ Quỳnh N, sinh ngày 25/01/2018 (theo nguyện vọng của con chung), không yêu cầu ông Đ1 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bà Đ bận công việc không thể tham gia tố tụng tại Tòa án được nên yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Hồ Vĩ Đ1 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án ghi nhận ý kiến trình bày như sau:

Ông Hồ Vĩ Đ1 với bà Lê Thị Cẩm Đ cưới nhau vào năm 2017 có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là xã H, tỉnh Vĩnh Long), hôn nhân tự nguyện. Nguyên nhân dẫn đến mất hạnh phúc là do cuộc sống hôn nhân xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cải vả, tình cảm vợ chồng không còn bất đồng quan điểm. Ông Đ1 và bà Đ đã ly thân từ tháng 02 năm 2025 cho đến nay. Vợ chồng bà Đ và ông Đ1 có 01 (một) con chung tên là: Hồ Quỳnh N, sinh ngày 25/01/2018. Hiện nay theo ông Đ1 thì cháu N đang sống cùng với ông bà nội tại địa chỉ: xã H, tỉnh Vĩnh Long.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Cẩm Đ ông có ý kiến như sau:

1. Về hôn nhân: Ông Đại đồng Ý ly hôn với bà Đ. Ông Đ1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

2. Về con chung: Sau khi ly hôn, ông không đồng ý với yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hồ Quỳnh N, sinh ngày 25/01/2018 của bà Đ. Ông yêu cầu để con chung là cháu N được tiếp tục sống cùng ông bà N1. Ông không yêu cầu bà Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do ông Đ1 đang trong thời gian bị tạm giam tại Trại tạm giam B – Thuộc Công an Thành phố H, đang chờ chấp hành hình phạt tù nên không thể tham gia tố tụng tại Tòa án được nên ông có yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt ông.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến giải quyết vụ án cho rằng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng; Tại phiên tòa Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, các Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã thực hiện đầy đủ theo đúng thủ tục tố tụng; người tham gia tố tụng là nguyên đơn, bị đơn nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền của mình trong quá trình tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 58, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng Hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải đối thoại tại Toà án; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Cẩm Đ. Bà Đ được ly hôn với ông Hồ Vĩ Đ1. Bà Đ và ông Đ1 không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết;

Về con chung: Giao con chung tên Hồ Quỳnh N, sinh ngày 25/01/2018 cho bà Đ được trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận việc bà Đ không yêu cầu ông Đ1 cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung: Bà Đ và ông Đ1 đều trình bày tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Bà Đ và ông Đ1 đều trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng, bà Lê Thị Cẩm Đ có nghĩa vụ nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006160 ngày 06/4/2026 là đủ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết: theo đơn khởi kiên bà Lê Thị Cẩm Đ yêu cầu ly hôn với ông Hồ Vĩ Đ1, do bị đơn có địa chỉ thường trú tại ấp T (nay là ấp B), xã H, tỉnh Vĩnh Long nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng Hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải đối thoại tại Toà án.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Lê Thị Cẩm Đ và bị đơn ông Hồ Vĩ Đ1 đều có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này là đúng theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung: Bà Lê Thị Cẩm Đ và ông Hồ Vĩ Đ1 cưới nhau và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn, cấp ngày 27/11/2017 tại UBND xã C, huyện

M, tỉnh Bến Tre (nay là UBND xã H, tỉnh Vĩnh Long). Sau một thời gian chung sống, mâu thuẫn giữa bà Đ và ông Đ1 bắt đầu nảy sinh, vợ chồng không còn tiếng nói chung, không thông cảm và thấu hiểu cho nhau, không tôn trọng nhau. Bà Đ và ông Đ1 đã ly thân khoảng 02 năm nay. Đến nay bà Đ nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa các bên không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, để tránh những xung đột, mâu thuẫn, gây ảnh hưởng không tốt đến cuộc sống sau này và mặt khác ông Đ1 cũng thống nhất nguyên nhân dẫn đến mất hạnh phúc của vợ chồng và đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà Đ nên yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở phù hợp tại các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, cho bà Lê Thị Cẩm Đ được ly hôn với ông Hồ Vĩ Đ1. Ghi nhận ý kiến của bà Đ và ông Đ1 không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

[4] Về con chung: Tại biên bản lấy ý kiến ngày 08/5/2026 thể hiện con chung Hồ Quỳnh N, sinh ngày 25/01/2018 đang sống chung với bà Đ và có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với bà Đ. Mặt khác, ông Đ1 đang trong thời gian bị tạm giam tại Trại tạm giam B – Thuộc Công an Thành phố H, đang chờ chấp hành hình phạt 07 năm tù theo Bản án số 191/2026/HS-ST ngày 23/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh nên không thể có đủ điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục phát triển con chung một cách toàn diện được. Mặt khác con chung là giới tính nữ nhằm để đảm bảo môi trường sống, sự phát triển tâm sinh lý của trẻ được phát triển đầy đủ nên Hội đồng xét xử quyết định giao con chung Hồ Quỳnh N, sinh ngày 25/01/2018 cho bà Đ được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận ý kiến của bà Đ không yêu cầu ông Đ1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Bà Đ và ông Đ1 đều trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà Đ và ông Đ1 đều trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Đ phải nộp án phí hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 238, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng Hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải đối thoại tại Toà án;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 115 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Cẩm Đ. Cho bà Lê Thị Cẩm Đ được ly hôn với ông Hồ Vĩ Đ1. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn, không có yêu cầu nên không xem xét.

- Về con chung: Bà Đ được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Hồ Quỳnh N, sinh ngày 25/01/2018. Bà Đ không yêu cầu ông Đ1 cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Ông Đ1 có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo qui định.

- Về tài sản chung: Bà Đ và ông Đ1 đều trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: Bà Đ và ông Đ1 đều trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí hôn nhân và gia đình: Bà Đ phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0006160 ngày 06/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Như vậy án phí bà Đ đã nộp xong.

Đương sự vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8 và Điều 36 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 9 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 9 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- UBND xã Hương Mỹ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Hữu Lộc